

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2017/DS-ST**
Ngày: 15/8/2017
V/v: *Tranh chấp hợp đồng
Dân sự*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và bà Trần Thị Oanh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2016 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST ngày 12 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐST-HPT ngày 27 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST-HPT ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Ngân hàng TMCP S (S).*

Địa chỉ: phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Trưởng ban xử lý nợ miền Bắc kiêm trưởng ban xử lý nợ miền Nam (Theo Giấy ủy quyền số 953/2014/UQ-S ngày 27/8/2014 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S).

Ông Vũ Đình K ủy quyền cho Ông Lê Văn T, sinh năm 1983 – Trưởng nhóm xử lý nợ; Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1991 - Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 2258/2016/UQ - S ngày 27/5/2016). *Có mặt tại phiên tòa*

Bị đơn: Ông Lưu Hồng Q, sinh năm 1978

Bà Đào Huệ C, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: khu chung cư G, đường M, phường N, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức T – Công ty luật TNHH Một thành viên V. *Vắng mặt tại phiên tòa*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2016 và các lời khai tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/10/2010, Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 009.2010.10.01/HĐTD với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh X với mục đích vay là vay mua xe ô tô, thời hạn là 60 tháng (Từ ngày 18/10/2010 đến ngày 18/10/2015); lãi suất 16,4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng một lần vào ngày đầu tiên của tháng nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trong kỳ đầu tiên và được tính theo công thức = lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh + 5,2%/năm. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, S chi nhánh X đã tiến hành giải ngân cho Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C theo Giấy nhận nợ ngày 18/10/2010 với số tiền nhận nợ: 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại: IS250, biển kiểm soát 31F-20XX, số máy 0674970, số khung ITHBF5C26A5125668 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 036397 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp cho ông Lưu Hồng Q ngày 15/10/2010. Tài sản bảo đảm trên được S chi nhánh X và Ông Lưu Hồng Q cùng bà Đào Huệ C ký hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2502.2010/HĐTC ngày 09/11/2010 được công chứng bởi Công chứng viên Văn phòng Công chứng N, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho S. S đã nhiều lần trực tiếp làm việc cũng như gửi thông báo, công văn yêu cầu ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C trả nợ nhưng ông Q và bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của S. Tính đến ngày 25/5/2016, dư nợ của ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C tại S như sau:

Nợ gốc: **819.982.095 VNĐ**

Nợ lãi: **783.964.518 VNĐ**

Tổng dư nợ: **1.603.946.613 VNĐ**

Để bảo vệ quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm giải quyết vấn đề sau:

Buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C thanh toán cho S số tiền **1.603.946.613 đồng** (Bao gồm 819.982.095 đồng nợ gốc và 783.964.518 đồng nợ lãi tính đến hết ngày 25/5/2016)

Buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C thanh toán cho S số tiền lãi, tiền phát sinh theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số: 009/2010.10.01/HĐTD ngày 06/10/2010, kể từ ngày 26/5/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để xử lý thu hồi nợ cho S

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S thì ông Lưu Hồng Q cùng bà Đào Huệ C vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn là ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C đã được Tòa án tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Q và bà C không hợp tác, không đến Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành được các thủ tục tố tụng đối với ông Q, bà C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP S vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến hết ngày 15/8/2017 là: **1.925.652.326 đồng** trong đó bao gồm **819.982.095 đồng** nợ gốc và **1.105.670.231 đồng** nợ lãi). Nếu ông Q, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng TMCP S đề

ngợi Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên là chiếc ô tô Lexus biển kiểm soát 31F-20XX để xử lý thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 75 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁNS

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐ-XXST ngày 12/6/2017 và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Ngân hàng TMCP S, ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Lưu Hồng Q, bà Đào Huệ C và luật sư Nguyễn Đức T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, đ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt Ông Lưu Hồng Q, bà Đào Huệ C và luật sư Nguyễn Đức T.

Ngày 26/6/2017 và 06/7/2017 ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C có đơn khiếu nại về việc không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chưa giải quyết khiếu nại về việc không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Theo đơn khiếu nại nêu trên, ông Q, bà C khẳng định không nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông bà chỉ biết được Quyết định đưa vụ án ra xét xử thông qua việc Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét khiếu nại của ông Q và bà C Ngày 26/6/2017 và ngày 06/7/2017 là khiếu nại khi Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì thế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử.

Đối với khiếu nại không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 12/6/2017, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST và trong ngày 12/6/2017 bà Hoàng Kim Yên – Thư ký tòa án

cùng ông Nguyễn Chí T – Cán bộ tư pháp phường Mễ Trì và bà Lê Thị L - Tổ trưởng Tổ dân phố số 5 (nơi ông Q và bà C sinh sống) đã đến gia đình ông Q và bà C tại khu chung cư G, đường M, phường N, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để tổng đạt trực tiếp Quyết định này cho ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C. Tuy nhiên, ông Q và bà C không có mặt tại nơi cư trú, không biết bao giờ trở về. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành tổng đạt được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nêu trên cho ông Q và bà C. Tòa án đã lập biên bản lưu hồ sơ vụ án, tiến hành niêm yết Quyết định trên tại khu chung cư G, đường M, phường N, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân phường N, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Mặt khác, trong đơn khiếu nại của ông Q, bà C (gửi trước ngày mở phiên tòa) thể hiện ông bà đã biết rõ ngày giờ mở phiên tòa và đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm hoãn phiên tòa.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng, do đó, không chấp nhận khiếu nại của ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C

Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn của hợp đồng tín dụng giữa ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C với Ngân hàng TMCP S là 60 tháng (từ ngày 18/10/2010 đến ngày 18/10/2015). Ngày 03/10/2016, Ngân hàng TMCP S đã nộp đơn cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm để khởi kiện ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C yêu cầu thanh toán nợ là nằm trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Về nội dung: Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C có xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S cụ thể như sau: Ngày 06/10/2010, Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 009.2010.10.01/HĐTD với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh X với mục đích vay là vay mua xe ô tô, thời hạn là 60 tháng (Từ ngày 18/10/2010 đến ngày 18/10/2015); lãi suất 16,4%/năm, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng một lần vào ngày đầu tiên của tháng nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trong kỳ đầu tiên và được tính theo công thức = lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Se tại thời điểm điều chỉnh + 5,2%/năm. Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, S chi nhánh X đã tiến hành giải ngân cho Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ

C theo Giấy nhận nợ ngày 18/10/2010 với số tiền nhận nợ: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Việc ký hợp đồng tín dụng cá nhân số 009.2010.10.01/HĐTD giữa ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh X phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho S

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C thanh toán 819.982.095 đồng nợ gốc. Xét thấy trong giao dịch dân sự nêu trên ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C là người vi phạm hợp đồng (vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số nợ gốc của hợp đồng tín dụng cá nhân nêu trên là **819.982.095** đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C thanh toán **1.105.670.231** đồng tiền lãi đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng hai bên đã thỏa thuận với nhau thời hạn vay, lãi suất vay... theo đúng quy định của điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó cần chấp nhận buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C thanh toán khoản tiền lãi cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 15/8/2017 là **1.105.670.231** đồng.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 411.2011/HĐTC ngày 24/01/2011:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại: IS250, biển kiểm soát 31F-20XX, số máy 0674970, số khung ITHBF5C26A5125668 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 036397 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp cho ông Lưu Hồng Q ngày 15/10/2010. Tài sản bảo đảm trên được S chi nhánh X và Ông Lưu Hồng Q cùng bà Đào Huệ C ký hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2502.2010/HĐTC ngày 09/11/2010 được công chứng bởi Công chứng viên Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hà Nội.

Hợp đồng thế chấp trên được ký kết tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, hiệu lực của Hợp đồng ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên. Vì thế, trong trường hợp ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C không thanh toán được

số tiền trên cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản là chiếc ô tô Lexus nêu trên để đảm bảo khoản nợ của ông Q và bà C tại Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng
- Khoản 5 Điều 30; Điều 147; điểm b, đ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271; Điều 2 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C.

Buộc ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền: **1.925.652.326 đồng**, trong đó bao gồm **819.982.095 đồng** nợ gốc và **1.105.670.231 đồng** nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 009.2010.10.01/HĐTD ngày 06/10/2010.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian trậm trả, cho đến khi trả nợ xong gốc.

Nếu ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Lexus, số loại: IS250, biển kiểm soát 31F-20XX, số máy 0674970, số khung ITHBF5C26A5125668 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 036397 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp cho ông Lưu Hồng Q ngày 15/10/2010 của ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Lưu Hồng Q và bà Đào Huệ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **69.769.570 đồng** (*Sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm bảy mươi đồng*)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí **30.000.000 đồng** (*Ba mươi triệu đồng*) đã nộp tại biên lai số 6608 ngày 12/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND Thành phố HN.
- VKS Q.Nam Từ Liêm, VKS Hà Nội.
- Thi hành án Q.Nam Từ Liêm.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Sơn Hà